

KỶ NIỆM 130 NĂM
Các Sư Huynh có mặt tại Việt Nam
KỶ NIỆM 100 NĂM
Thành lập Tỉnh Dòng La San Việt Nam





Các Sứ Huynh đến Saigon 5/11/1865

Hàng sau, từ trái sang phải :

SH. Alpin de Jésus - Adilbert Jean - Paulinian - Basileo de Jésus

Hàng trước, từ trái sang phải :

SH. Néopole de Jésus - Adrien Victor - Jaime - Adelpinien

NHỮNG SÁCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- BEC : *Bulletin des Ecoles Chrétiennes* = Tập san các trường Ki-tô
- BIFEC : *Bulletin de l'Institut des Frères des Ecoles Chrétiennes* = Tập san của Dòng các Sư Huynh Trưởng Ki-tô
- CL : *Cahiers Lasalliens* = Tập tin La San
- AMG : *Archives de la Maison Généralice* = Văn Khố của Nhà Trung Ương
- LL : *Revue Liên Lạc* = Nội san Liên Lạc của Tỉnh Dòng La San - Saigon
- GR : *Georges Rigault - Histoire générale de l'Institut des Frères des Ecoles Chrétiennes - 9 vol., PLON, Paris*
Lịch sử đại cương của Dòng La San
- BA : *Baumard - Un siècle de l'Eglise de France, 1900* = Giáo Hội Pháp qua một thế kỷ
- GO : *Goyau - Histoire religieuse de la nation française* = Lịch sử tôn giáo của nước Pháp
- HA/MA : *Hanotaux et Martineau - Histoire des colonies françaises t. V. 1932 (L'Indochine, par Edmond Chassigneux)*
Lịch sử các thuộc địa Pháp, quyển V, nói về Đông Dương
- H.F : *H. Froideveaux - L'Oeuvre scolaire de la France aux colonies, Paris, 1900*
Sự nghiệp giáo dục của Pháp tại các thuộc địa
- NO : *Choix de Notices Nécrologiques* = Tuyển tập tiểu sử các Sư Huynh đã qua đời
- G.GO : *Georges Goyau - Les femmes dans les Missions* = Phụ nữ trên cánh đồng Truyền Giáo
- L. MA : *L. Marion - Histoire de l'Eglise, vol III* = Lịch sử Giáo Hội



Lời nói đầu

Năm nay, các Sư Huynh La San Việt Nam ở quê nhà cũng như ở hải ngoại mừng kỷ niệm 130 năm các Sư Huynh Trường Ki-tô đến Việt Nam (1866 - 1996) - và đặc biệt mừng 100 NĂM THÀNH LẬP TỈNH DÒNG LA SAN VIỆT NAM (1896 - 1996).

Để đánh dấu niên kỷ đáng ghi nhớ này, chúng tôi xin giới thiệu vài bài viết có liên quan đến những chặng đường lịch sử từ lúc sơ khởi, cũng như những bước thăng trầm của một dòng tu trong bối cảnh tương giao văn hoá và xã hội giữa Đông và Tây, được trích từ nguyên bản của “**Tuyển Tập Tài Liệu**” do các Sư Huynh ở Việt Nam ấn hành.

Hầu hết những bài này được chuyển dịch từ các tài liệu của Dòng viết bằng tiếng Pháp và do những tác giả người Pháp. Vì thế, không khỏi có khuynh hướng đề cao người Pháp, văn hoá Pháp và nhấn mạnh đến sự đóng góp cho nước Pháp.

Thêm vào đó, Dòng La San được thành lập bởi người Pháp - Jean Baptiste De La Salle, nên lễ lối tổ chức và điều hành Dòng không ra khỏi nếp sống theo phong tục tập quán, xã hội, chính trị, văn hoá cũng như tôn giáo của nước Pháp thời bấy giờ.

Các Sư Huynh tiên khởi đến Việt Nam đều là người Pháp, nên cấp lãnh đạo Tỉnh Dòng La San Việt Nam là người Pháp; mãi cho đến đầu thập niên 50 của thế kỷ 20, Tỉnh Dòng mới thực sự hoàn toàn do các Sư Huynh người Việt điều khiển.

Thiết nghĩ các Sư Huynh La San có thể thanh thản nhìn lại quá khứ và lấy làm tự hào, vì ngoài chuyên môn giáo dục nằm trong một khuôn khổ chính trị nhất định, các Sư Huynh còn là một nhà truyền giáo, phục vụ cho đạo Chúa và Giáo hội. Vào thời xa xưa ấy, ít ra các Sư Huynh còn được tự do dạy đạo đức và giáo lý cho học sinh mình, và như thế, Dòng La San là một trong những đoàn thể đã góp phần vào sự nghiệp văn hoá giáo dục, nâng cao trình độ phong hoá dân tộc và xã hội cho quê hương Việt Nam vậy.

Nhân kỷ niệm này, có lẽ các Sư Huynh trong Tỉnh Dòng nên ôn lại hành trình quá khứ để khiêm tốn rút ra những bài học hữu ích, và tìm lại những giá trị tiêu biểu cho truyền thống và tinh thần La San:

- * khả năng thích nghi uyển chuyển;
- * sự cởi mở với tri thức khoa học nhân văn, phương pháp sư phạm hữu hiệu để truyền thụ kiến thức;
- * lòng nhiệt thành trong công tác;
- * đạo nghĩa “**thầy - trò**”, “**tình bằng hữu bậc trung trình**” (Nhị Độ Mai) giữa các Sư Huynh với học sinh và thân hữu La San.

I

Từ 1866 đến 1870

Các đô đốc, thống đốc và sự giáo dục người bản xứ.

Sau cuộc viễn chinh 1858-1862 và sự thôn tính Nam Kỳ (1862-1867), đô đốc Charner nghĩ ngay đến việc thiết lập nền giáo dục An-nam cho các binh sĩ và kiều dân Pháp, mở trường Pháp cho dân bản xứ. Đô đốc Bonard tiếp tục công cuộc giáo dục này.

Là người mới nhậm chức, chẳng những đô đốc De la Grandière noi theo gương của 2 vị tiền nhiệm, mà còn nỗ lực đẩy xa hơn nữa : Ông muốn thấy người thuộc quyền thoát khỏi ảnh hưởng trí thức của Trung Hoa, nhằm hồi sinh bản sắc độc đáo của dân bản xứ. Một quyết nghị ngày 16/7/1864 lập trường tiểu học ở mỗi thị trấn lớn. Ngay tức khắc, 15 trường bắt đầu hoạt động. Vào năm 1866, có đến 47 trường tiếp nhận 1200 học sinh. Không bao giờ ngài đô đốc đến viếng một thị trấn mà không vào thăm một lớp học, hỏi han và phát thưởng cho học sinh.

Lúc đầu phải nhờ đến các thầy được tạm tuyển, thường là các thông dịch viên ăn lương nhà nước. Họ đã hoàn thành nhiệm vụ khá tốt. Tuy nhiên, nên chăng mời những nhà sư phạm chính danh để ban phát một nền giáo dục mẫu mực, và nhờ các phương pháp thuần thực trong tay “nhà nghề”, đào tạo một lớp người địa phương ưu tú, chuẩn bị những cán bộ tối luyện rất cần thiết cho sự thăng tiến tinh thần và phát triển kinh tế ?

Các Sư Huynh đặt chân đến Nam Kỳ

Vì thế, thống đốc nghĩ đến các **Sư Huynh Trường Ki-tô**. Ngày 17/7/1865, Bộ trưởng Hải quân Chasseloup-Laubat viết thư cho Sư Huynh Tổng Quyền :

“Thể theo lời yêu cầu của đô đốc De la Grandière, SH đã vui lòng phái 6 SH cho Bộ tôi để được gửi sang Nam Kỳ làm giáo viên. Tôi hoàn toàn chấp thuận các thoả ước giữa SH và ngài đô đốc.”

Ngày 20/10, một thư luân lưu của SH Philippe báo tin cho toàn Dòng rằng “do lời thỉnh cầu khẩn thiết của Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa”, một nhóm SH đã ra đi để “mang đến Saigon nền giáo dục Pháp và công giáo”. Các SH ra đi từ Toulon, “trên một chiếc tàu của nhà nước”. Trưởng nhóm là SH Jaime, Giám Tỉnh với phạm vi hoạt động độc lập với Tỉnh dòng Ấn Độ và Đông Dương thuộc địa của nước Anh.

Ngôi trường mà đô đốc De la Grandière trao cho các SH điều hành đã được các linh mục thừa sai thành lập từ năm 1861, mang tên là “Trường Adran” để kính nhớ vị Giám mục dũng cảm, Đức cha Pigneau de Béhaine. Các linh mục thừa sai ao ước rút lui khỏi trường, cho rằng việc họ đã khởi động là đủ và nhiệm vụ của linh mục bao gồm những hoạt động khác. Khi đô đốc đã nắm chắc sự hưởng ứng của Dòng La San, ông cho xuất công quỹ mua lại ngôi nhà, ra lệnh tu sửa, và ấn định mức lương là 1500 francs cho mỗi giáo viên và 2500 francs cho ông hiệu trưởng.

Trường Adran (1866)

SH Jaime và các SH phụ tá nhập gia ngày 9/1/1866. Ngôi nhà họ tiếp nhận không phải là một dinh thự: họ phải khom lưng uốn gối để vào nhà ! Phòng ốc chật hẹp, vách ngăn sơ sài. Mùa nóng thì lên đến 30-40 độ, mùa mưa thì nước ngập đến 10-12cm. Sức khoẻ của học sinh và các SH bị đe dọa cách trầm trọng. Tuy nhiên, các SH bền tâm cầm cự, chăm sóc vệ sinh để giữ gìn sức khoẻ cho chính bản thân và cho các em học sinh. Mãi đến năm 1871, chính quyền thuộc địa mới xây các lớp học tương đối khang trang hơn; vào năm 1874, các SH tự bỏ tiền ra xây một nhà nguyện, và năm 1896, các SH mới có nhà ở cho cộng đoàn.

Một cựu học sinh trường Adran, linh mục Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông - sau này là vị Giám mục Việt Nam đầu tiên - nói với SH. Léopold-de-Jésus, nhân dịp SH mừng 75 năm tu dòng ngày 15/8/1909 :

“SH là một trong 6 SH dũng cảm đã đặt chân lên đất này năm 1866. SH đang ở độ tuổi 35, tráng kiện, và không nề hà tận lực xả thân... Thời gian đã trôi qua, thành phố đã mọc lên, các trường học đã được xây dựng và nhiều thế hệ đã ngồi trên ghế nhà trường. Những ai trước kia là những đứa bé bên cạnh SH, nay đã nên người, sống trong mọi địa vị xã hội trên khắp các miền đất nước.” (AMG, hồ sơ ID 06)

Các trường La San ngoài Saigon

Ngôi trường ở Saigon là một thành công lớn và rõ nét nhất của các SH ở Nam Kỳ vào thời ấy. Sự hợp tác của họ được chính quyền đánh giá rất cao, cho nên cấp lãnh đạo không ngần ngại giao cho họ những nhiệm sở khác. Ngày 1/3/1867, ba SH đến Mỹ Tho góp công dạy cho khoảng 100 học sinh, hầu hết thuộc các gia đình công giáo.

Sau khi Pháp sáp nhập các tỉnh phía tây nam sông Mê-kông, Bộ Hải quân xin SH Philippe gửi thêm SH cho miền viễn Đông. Mọi yêu cầu đều được thoả mãn. Thế là các trường ở Vĩnh Long và Bắc Trang được thành lập tháng 7 năm 1869. SH Blandinien tổ chức trường lớp ở Vĩnh Long cho khoảng 60 học sinh, trong đó gần phân nửa theo đạo Ki-tô. Nổi nghiệp ngài trong tinh thần hy sinh tận tụy là SH Basilisse-Marie: vào cuối thế kỷ 19, chúng ta sẽ gặp lại vị tu sĩ nổi tiếng thánh thiện này bên cạnh những người Trung Hoa, rồi đến người An-nam.

Tuy nhiên, dù luôn sẵn lòng đáp ứng mọi nhu cầu về thầy dạy, trung ương Dòng cũng chỉ có rất ít nhân lực trừ bị. Những đợt tăng viện rải rác và hạn chế chưa đáp ứng hết mọi yêu cầu. Hậu quả là đa số các giáo viên làm việc quá sức chịu đựng. Chính phủ Pháp lại nài xin thêm: ngoài số 15 SH ăn lương trích từ quỹ thuộc địa vào tháng 11, 1868, họ yêu cầu cử thêm 5 SH hội đủ điều kiện để làm việc xa quê hương. Đây là lúc họ muốn xứ Campuchia cũng được hưởng những lợi ích của phương pháp giáo dục La San. Một công chức cao cấp ở Paris viết cho SH tổng quyền: *“Vua Norodom ao ước mở một trường học ở Pnom-Penh”*. Mặc dù SH Philippe đã tỏ ra hết sức hăng hái sốt sắng, dự án đó không thành.

Đến lúc này, duy trì những thành quả từng bước đạt được đã thấy khó, nói chi đến việc mở rộng môi trường hoạt động. Người ta liền nghĩ rằng chính đất nước này phải cung cấp đầy đủ số người có phẩm chất cần thiết cho những công trình mới. Nhưng những ơn thiên triệu nở rộ sẽ là thành tích của một thời đại khác, còn vào những ngày xa xưa ấy, người ta chỉ mới thu hoạch được vài hoa trái đầu mùa : đó là SH Joseph-Pierre, quê ở Lái Thiêu, là một

trong vài người Nam Kỳ đầu tiên vào dòng La San. SH sinh trưởng trong một gia đình có những người tử đạo. Sau thời kỳ luyện tập tốt ở tỉnh Dòng Marseille năm 1868, SH phục vụ trong công tác hỗ trợ vật chất - thầy việc - ở Saigon, Hong Kong, Rangoon...

II

Từ 1870 đến 1883

Đặc điểm của các cộng đoàn La San ở Đông Dương Pháp

Các cộng đoàn La San ở Đông Dương Pháp, mặc dù trực thuộc tỉnh Dòng Ấn Độ từ 1881 đến 1896, và phải chuyển các SH qua Ceylan và Hong Kong trong thời kỳ bị giải thể (từ tháng 2, 1883 đến tháng 11, 1889), hợp thành một nhóm rất đặc biệt. Chúng ta đã biết bước khởi đầu của các cộng đoàn này: vào thời kỳ mà SH Philippe thoả thuận với chính phủ của Napoléon III.

Mặc dù bị ràng buộc với những thoả thuận có tính cách chính trị, các SH luôn luôn tự coi mình là “người được sai đi rao giảng Tin Mừng cho mọi người, đặc biệt cho con trẻ”, là “sứ giả của Đức Kitô” đến với trẻ em để giáo dục và uốn nắn chúng thành những con người tốt, và như vậy là góp phần xây dựng và thăng tiến xã hội. Vì thế, dù công tác dưới lá cờ Pháp ở Saigon, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bắc Trang, hay bất kỳ ở đâu, và dù cho thể chế chính trị đương thời có thay chiều đối hướng, tôn chỉ và sự dẫn thân giáo dục của các SH quá đẹp và phong phú nên đã không ngừng thu hút sự chú ý của những người thiện tâm.

Đô đốc Lafont (1878) và Le Myre de Vilers (1880)

Ngày 26/1/1878, Đức Cha Isidore Colombert, giám mục Samosate, từ Saigon đã viết cho SH tổng quyền Irlide:

“Đã nhiều năm, các trường của quý Dòng không được các cơ quan chính quyền ưa chuộng... Nhưng đối với những người khách quan nghiêm túc, kinh nghiệm đã chứng tỏ rằng ở Nam Kỳ, hơn bất cứ nơi nào khác, chỉ có các SH là có đủ khả năng điều khiển những trường công lập, vì họ có đủ phương pháp, sự cần mẫn, đức kiên trì, sự tận tụy và nhất là đức tin.”

Vị giám mục kể lại sự thất bại ê chề trong lãnh vực này của một số người không mấy ưa thích các tu sĩ :

“Ngoài trường Adran do các SH điều khiển, chính phủ đã mở một trường lớn tại thủ đô dành cho người bản xứ, và dạy 5 hay 6 trường khác ở các tỉnh. Các trường này được giao cho những thanh niên, những hạ sĩ quan nghỉ phép dài hạn điều hành... Kết quả thu được hoá ra vừa vô hiệu vừa tốn kém”.

Cho nên đô đốc Lafont, người đang nắm vận mệnh của thuộc địa lúc bấy giờ, tỏ ý muốn nổi rộng vai trò của các SH La San. Đã nhiều lần ông đem dự án ra bàn với Đức cha Colombert. Ông cũng đã hội ý với một trong những giáo viên của trường Adran, SH Ivarch-Louis. Một vị thanh tra tại các trường bản xứ, ông d'Arfueille, đã góp phần phát động phong trào này. Trong một bản báo cáo về 6 tháng cuối năm 1877 đề ngày 27/1/1878, ông viết :

“Chính quyền ở cấp cao phải lựa chọn giữa nền giáo dục phi tôn giáo và các SH trường Ki-tô. Về phần tôi, nếu được phép góp ý, tôi không do dự nhờ cậy họ, vì họ hội đủ những bảo đảm về mặt luân

lý, khả năng, và tính ưu việt của phương pháp. Tôi không thuộc hạng người tin rằng giáo dục không thể đi đôi với việc dạy đạo; tôi biết các SH thừa đủ trung thực để không bao giờ tỏ ra thô bạo với lương tâm của học sinh mình. Nếu vì xác tín, họ có dẫn đưa chúng vào đạo Ki-tô, thì cũng chỉ có lợi cho nước Pháp mà thôi”

Ở chính quốc, bầu không khí chính trị rất căng thẳng do chủ nghĩa chống giáo sĩ. Với báo cáo trên, ông d'Arfeuille có nguy cơ bị hiểu lầm, thậm chí bị khiển trách. Tại Paris, chính đô đốc Lafont cũng không được thắng lợi: ông đành thối thu trước sự phủ quyết của Bộ trưởng Hải quân.

Năm 1880, ông Lafont bị thay thế bởi một người thuộc giới dân sự, ông Le Myre de Vilers, người có nhiều vây cánh trong phe “cơ hội” đang thắng thế. Ông thống đốc mới này đến nhậm chức với một chương trình táo bạo, theo gót của các tiền bối thời 1789 - đại cách mạng Pháp - Ông muốn làm luật một cách trù tuợng, không cần để ý đến những đặc điểm của một chủng tộc và một nền văn hoá lâu đời của miền viễn Đông. Những cải cách hấp tấp đã làm đảo lộn phẩm trật hành chính cũ, làm suy giảm sự đoàn kết gắn bó trong gia đình người bản xứ, làm cho nền tảng luân thường đạo lý truyền thống bị lung lạc.

Rất sớm, Le Myre de Vilers đã nhìn nhận sai lầm của mình: ông buồn bã tuyên bố một cách thẳng thắn : *“Chúng ta đã tiêu hủy quá khứ và thay vào đó chúng ta chẳng có gì cả !”* - Nói cho ngay, ông cũng có quan tâm phát triển giáo dục. Chương trình ông phát hoạ gồm tổ chức sư phạm, trường trung học, trường huyện, trường tổng, trường làng xã. Nhưng còn lâu mới thực hiện được toàn bộ tổ chức này: trường làng xã chỉ có trên giấy tờ, kết quả ở các trường tổng rất tồi vì thiếu thầy và sách vở.

Tuy nhiên, mối bận tâm lớn của ông thống đốc về vấn đề giáo dục đã khiến ông xem xét kỹ hơn công trình của các SH La San. Lúc đầu, ông có thành kiến đối với họ, nhưng một lần chủ toạ lễ phát thưởng ở trường Adran đã thay đổi cách nhìn của ông. Là người đã sáng lập một giáo trình hành chánh ứng dụng và kế toán cho những nhân viên An-nam tại các công sở Hải quân, ông rất đỗi kinh ngạc trước cách giảng dạy rất thực tế và thông minh sáng tạo của các SH. Các môn Pháp văn, số học, hình học, vẽ, được truyền đạt cho học sinh qua một loạt giáo trình tiến dần đã giúp người bản xứ thích nghi dễ dàng với môi trường tây phương, tuy không hề cắt đứt gốc rễ xã hội của họ. Vậy có thể nhờ các tu sĩ giáo viên này tổ chức các lớp kiểu mẫu được theo dõi và chăm sóc chu đáo, để kích thích sự cố gắng trí tuệ nơi các thế hệ trẻ ở thuộc địa, và cổ võ sự hoà đồng giữa 2 nền văn minh.

Thiếu hụt nhân sự

SH Ivarch-Louis làm hiệu trưởng trường Adran năm 1881 sau khi đã giảng dạy 6 năm tại đây. SH hội đủ lương tâm chức nghiệp và sự khéo léo cần thiết để thành công. Các cựu học sinh của SH đều đứng đầu trong các kỳ thi tuyển của nhà nước. Rất nhiều thông dịch viên nhờ đã học và nắm vững những nguyên tắc luôn được tôn trọng trong các trường La San, mà được các quan chức Pháp tin cậy...

Nhưng ban giảng huấn còn quá ít. SH giám tỉnh Idinaelis trong một chuyến đi kinh lý ở Đông dương tháng 1 và tháng 2 năm 1882, đã bày tỏ mối quan ngại với Paris như sau :

“Dứt khoát phải thêm người cho Saigon, bằng không chúng ta sẽ phải đóng cửa trường. SH hiệu trưởng đáng thương đã hy sinh quá mức, chắc chắn chẳng bao lâu nữa ngài sẽ đuối sức.”

Trong 3 người phụ tá cho SH hiệu trưởng, SH Blandinien, trước đây đã sáng lập trường ở Vĩnh Long,

hiện đang trong tình trạng suy yếu; SH Néopole thì chuẩn bị về lại Pháp vì lý do sức khỏe; còn người thứ 3, SH Abdias, thì vừa bỏ dòng hồi tục.

Còn chính SH Ivarch-Louis thì sao ? - SH cảm thấy đang đi vào ngõ cụt, trừ phi các bề trên quyết liệt muốn tức thời tháo gỡ khó khăn. Khoảng cuối năm 1882, SH nói riêng với Le Myre de Vilers rằng sắp tới, nhóm SH còn quá ít, sẽ rời bỏ trường Adran, cơ sở cuối cùng của Dòng trên lãnh thổ viễn Đông thuộc quyền Pháp. Vị thống đốc lớn tiếng phản đối : *“Nếu không có trường của các SH, thì phải sáng tạo ra nó ! - Không có vấn đề xoá sổ trường của các SH, dù với bất kỳ lý do nào đi nữa !”*

Tuy nhiên, ý kiến này không được sự đồng tình của mọi người trong giới chính trị. Hội Tam Điểm khẳng định vai trò của mình ở thuộc địa bằng cách tạo thêm kẻ thù đối với các tu sĩ giáo viên. Nếu có vài người lương lự thì nhiều người khác lại cương quyết không nhân nhượng : chính quốc đã cắt cử những công chức bị tiêm nhiễm bởi thành kiến chống đạo, đặc biệt ông giám đốc sở giáo dục đã công khai tỏ thái độ thù nghịch đối với các SH. Ông chê bai và ao ước tiêu diệt hết công trình của các SH. Những lời vu cáo của ông tháng 1/1882 đã khiến hội đồng thuộc địa xét lại vấn đề cấp học bổng. SH Ivarch-Louis làm một bản báo cáo để minh định sự thật. Về sau, một ủy viên hảo ý đã tiết lộ : *“SH đã làm cán cân nghiêng về phía mình”*. Ông Blancsube, chủ tịch đại hội đồng và là *“bạn thân của Gambetta”* đến thị sát các lớp, và tình trạng vẫn trở lại như trước.

Lý do chính khiến các SH rời khỏi Nam Kỳ

Về sau, SH Ivarch-Louis ghi lại :

“Vì không thể cung cấp thêm giáo viên cho các cộng đoàn ở thuộc địa, chúng tôi phải đóng cửa trường sau một thời gian thoi thóp đau đớn. Đó mới là lý do khiến chúng tôi ra đi khỏi Saigon năm 1883. Nhưng thay vì nhận thẳng điều ấy với chính quyền, tôi đã chọn đưa ra lời giải thích rằng mình là nạn nhân của cuộc đấu phiếu hiểm ác do óc bè phái chỉ đạo”

Vào lúc phải từ chức ở Nam Kỳ, chính ông Le Myre de Vilers cũng đã nói với hội đồng thuộc địa như sau :

“Các ông đã sai lầm... Không thể chối cãi rằng các SH đã giúp ích rất nhiều. Và cho dù họ có làm mười lần ít hơn thế, lẽ ra các ông cũng phải giữ họ ở lại, dù chỉ là để duy trì sự ganh đua...”

SH giám tỉnh Idinaelis, sau khi đến chứng kiến những ngày cuối cùng của cộng đoàn Saigon, viết cho SH tổng quyền Irlide ngày 3/3/1883 :

“Vị thống đốc mới, ông Thomson, xử sự rất đàng hoàng đúng đắn. Ông đã bày tỏ với tôi sự hối tiếc - có vẻ rất chân thành. Ông muốn giữ chúng ta ở lại với lời hứa sẽ đem hết uy thế của ông để thuyết phục hội đồng thuộc địa hủy bỏ cuộc đấu phiếu.”

Lời nói đầy ý nghĩa... SH giám tỉnh vẫn có cảm tưởng cuộc xung đột không phải là nan giải, nhưng ngài cũng phải tán đồng với SH Ivarch-Louis rằng lúc bấy giờ cần có sự ra đi trong danh dự.

III

Từ 1890 đến 1900

Các SH chuẩn bị trở lại Đông Dương

Các SH đang hiện diện trên thuộc địa Anh không thể lẫn tránh đế quốc Pháp lâu hơn nữa: truyền thống của Dòng, cảm tình của các vị lãnh đạo, lòng mến thương của các học sinh và phụ huynh học sinh bản xứ không cho phép các SH bỏ mặc một vị trí có tầm cỡ quan trọng như thế.

Năm 1883, SH Idinaelis hết sức khiêm tốn và kín đáo nói : “Đức cha Colombert và các linh mục thừa sai có vẻ rất lấy làm tiếc vì chúng ta ra đi”. Đó là điều không ai chối cãi, và sự nuối tiếc ngày càng thêm sâu sắc. Năm 1885, linh mục Le Mée, một phát ngôn viên của hàng giáo sĩ thừa sai, được ủy quyền đến nhà trung ương Dòng La San để bàn thảo việc mời các SH trở lại Đông dương.

Số là vào năm 1873, một linh mục trong hội thừa sai, linh mục Juhel des Isles de Kerlan, đã mở một cơ sở từ thiện để tiếp nhận, nuôi dưỡng và dạy đạo cho những trẻ em lai Pháp bơ vơ. Dần dà cơ sở nhận thêm những đối tượng đáng thương khác. Sau khi các SH ra đi năm 1883, nhiều người Việt công giáo, hoặc có cảm tình với lối sống của đạo Ki-tô, lấy làm vui sướng được cho con họ vào “*trường Taberd*” - gọi như vậy để tưởng nhớ Đức giám mục Taberd, đại diện tông toà ở Nam Kỳ 1830-1840. Các linh mục vừa lo việc cai quản, vừa đứng lớp dạy học. Khi số học sinh tăng nhiều hơn, họ thấy nhiệm vụ sư phạm này thu hút quá nhiều công sức; hàng giáo sĩ còn phải dồn hết sức lực cho công tác đặc thù mục vụ. Nếu được các SH trường Ki-tô đến dạy thay cho các linh mục, mọi chuyện sẽ được thu xếp tốt đẹp. SH tổng quyền đồng ý trên nguyên tắc, nhưng phần thực hiện có hơi chậm vì còn phải qui tụ đủ số các tu sĩ có quyết tâm và bảo đảm cho tương lai của công trình. Chúng ta biết là tỉnh Dòng Ấn Độ lúc ấy có rất ít Sư Huynh. Cũng không thể bớt đi vài người ở các cộng đoàn rải rác trên khắp miền châu Á được. Tuy nhiên, SH Ivarch-Louis, sau khi mãn nhiệm kỳ làm hiệu trưởng ở Hong Kong và sắp nhận làm hiệu trưởng cộng đoàn Saint-Benedict ở Colombo, nghe biết được dự tính của SH Joseph, liền tuyên bố sẵn sàng trở lại Nam Kỳ.

Sự tự nguyện này được cấp trên hoan nghênh. SH Ivarch-Louis được triệu hồi về Pháp và được lệnh tập trung đủ thành viên cho cộng đoàn tương lai ở Saigon. 9 SH chuẩn bị sẵn sàng theo SH Ivarch-Louis. Các SH đáp tàu ra đi từ Marseille vào tháng 10 năm 1889. Một SH trong nhóm ghi lại cảm nghĩ về chuyến lên đường này: “*Chúng tôi rất lấy làm hãnh diện được ông trưởng nhóm có râu và dễ thương này dẫn dắt. Ngài đối xử với chúng tôi như một người cha hiền từ. Tính tình ngài vui vẻ làm mọi người hết lo âu phiền muộn*”.

Trường Taberd (1890)

Sau cuộc hải trình dài 28 ngày sóng gió, 10 vị tu sĩ tới Saigon ngày 19 tháng 11. Một đám người đông nghịt chờ đón họ. Những gia đình cựu học sinh thì hân hoan ra mặt, chào mừng các thầy cũ; những gia đình có nghe nói về “ông thầy dòng cổ trắng” cũng tụ tập chào đón, bày tỏ mối thiện cảm. Đức cha Colombert cùng với các linh mục ở Saigon và vùng phụ cận tổ chức buổi lễ đặc biệt chào mừng các Sư Huynh La San đã trở lại Đông dương.

Tháng 1/1890, các linh mục thừa sai bàn giao cho các SH những lớp học của trường Taberd, với 160 nam sinh, trong đó 80 em nội trú. Ngày khai giảng kế đó, phải tăng thêm 5 SH cho ban giảng

huấn. Năm này sang năm khác, những kết quả tốt đủ chứng tỏ tính chất ưu việt của phương pháp, kỷ luật và sự tận tụy của các SH La San. Dưới sự điều khiển tài tình của “SH Louis”, học trò Việt Nam, Trung Hoa, Pháp, lo dọn thi lấy bằng tiểu học, bằng thành chung, hoặc dự các kỳ thi tuyển vào các trường cao đẳng của chính phủ. Là một ngôi trường tiên tiến, **TABERD** sẽ đưa nhiều cựu học sinh vào làm ở các công sở hoặc xí nghiệp tư, và trên danh sách những người trung thành, bền vững và nhiệt tình của trường, sẽ có tên của nhiều nhân vật ưu tú thuộc mọi địa vị xã hội, ở mọi chức vụ lãnh đạo và chỉ huy các cấp. Các vị toàn quyền Rousseau và Doumer, sau lần đến thăm nhà trường, cũng nhìn nhận công lao của các thầy giáo và bày tỏ cảm nghĩ của họ bằng nhiều lời ca ngợi. Vào một ngày của tháng 12 năm 1897, 400 học sinh trường Taberd được vinh dự nghênh đón hoàng đế xứ An-Nam, đó là vua Thành Thái, lên ngôi năm 1888, thoái vị năm 1907.

Đến ngày 28/7/1894, hội thừa sai miền Tây Nam Kỳ rất hài lòng về thành tích của bên được ủy thác, nên đã đổi những cam kết thử nghiệm năm 1890 thành một khế ước hẳn hoi. Được sự đồng ý của SH giám tỉnh Abban, Đức cha Colombert long trọng tuyên bố giao cho các môn đệ Gioan La San quyền điều hành trường Taberd. Lương của mỗi SH được ấn định 1,500 francs. Những điều khoản tiếp theo cũng đặc biệt đáng ghi nhớ :

“Vì còn phải lập và bảo trì một tập viện, SH người An-Nam cũng được hưởng cùng mức lương như các SH người Pháp, với điều kiện họ có đủ bằng cấp và không chiếm quá tỉ lệ một (1) SH An-Nam trên hai (2) SH Pháp. Có thể nhận 1 hay 2 SH An-Nam không có bằng cấp nhưng có đủ khả năng giúp ích thực sự, với mức lương 1,000 francs một năm.” Quả thực, kể từ khi các SH trở lại Đông dương, sự tuyển mộ người bản xứ gia nhập Dòng La San mang lại nhiều kết quả hơn lòng mong đợi. Chẳng bao lâu sau khi các SH trở lại Nam Kỳ, vài thanh niên đã lãnh nhận áo Dòng La San. Để tăng thêm số ơn gọi cũng như để vun trồng mầm non ơn gọi vừa chớm nở, các SH nghĩ ngay đến việc thành lập nhà đào tạo và huấn luyện cho các tu sinh.

Tỉnh Dòng Đông Dương (1896) - Tập Viện Thủ Đức

Đó là công trình của SH Ivarch-Louis. Từ tháng 1/1896, SH đã được bổ nhiệm làm giám tỉnh của tỉnh Dòng độc lập Đông Dương - về sau được đặt tên là “Tỉnh Dòng Saigon” và sau biến cố 1975, phụ tỉnh công hội tại Paris với sự thoả thuận của tỉnh Dòng Saigon, xin được đổi tên thành “**Tỉnh Dòng La San Việt Nam**”, đầu năm 1990.

Đức cha Dépierre, đại diện Tổng toà miền Đông Nam Kỳ, trao cho SH tân giám tỉnh một thửa đất ở Thủ Đức, cách Saigon 8 dặm. SH cho xây dựng ngay những ngôi nhà tại đó. Hiệp ước giữa giám mục và đại diện của SH tổng quyền ngày 14/2/1896 ghi rõ :

1. Bất động sản được dùng cho việc đào tạo các tu sinh người An-nam;
2. Nếu các SH bị buộc phải rời khỏi thuộc địa, đất sẽ hoàn trả lại hội thừa sai, và hội có quyền ưu tiên mua lại những bất động sản đã được các SH xây cất trong thời gian sử dụng đất.

Không chờ ký xong văn kiện giao đất và cũng chẳng để cho xong việc bố trí sắp xếp, các SH dẫn ngay đến Thủ Đức 4 tập sinh và 10 thỉnh sinh đã được tụ tập từ trước ngày 1/1/1896. SH Basillisse-Marie được bổ nhiệm làm giám tập. Ngài là vị cựu giám đốc cô nhi viện ở Hong Kong, đã trở lại Nam Kỳ gần 2 năm trước; các tập sinh và người đồng hương quen gọi ngài là “thầy thánh”; ngài điều khiển tập viện gần 10 năm và qua đời tại Hải Phòng năm 1906.

Tháng 6/1906, SH Imier-de-Jésus, giám tỉnh đặc nhiệm cho các cộng đoàn Á châu, đã trình lên SH tổng quyền Gabriel-Marie bản thống kê như sau :

“Tập viện Thủ Đức, từ lúc thành lập, đã nhận tất cả 106 tu sinh, 50 người đã được mặc áo dòng, 38 đã bền vững đến cuối kỳ tập luyện. Trong số 38 SH này, 1 SH đã qua đời trong dòng, 2 SH bị khai trừ và 17 đã hồi tục - còn lại 18 SH đang hoạt động trong các cộng đoàn”.

Tỉ lệ bền chí trong ơn gọi chưa đến 1/5. Đó là do người chiêu mộ lâu nay lo kéo lưới vào bờ - càng được nhiều mẻ cá càng tốt; sau đó mới có sự gạn lọc, và khi phải loại trừ bớt thì cần phải hy sinh về lượng để cốt giữ phẩm chất. SH Imier viết thêm :

“Hầu như chỉ có các học sinh của trường Taberd và trường Thủ Đức (còn gọi là trường Mossard) mới hoàn tất kỳ luyện tập. Những người khác đến từ miền quê, hoặc đã rút lui, hoặc đã bị loại trừ”.

Tuy nhiên, các SH không quá lo lắng cho tương lai: trong một giáo đoàn tương đối mới, kết quả ban đầu không thể tốt hơn. Việc đào tạo sẽ thu được kết quả tốt hơn khi ảnh hưởng của các vị tu sĩ giáo dục được lan rộng. Trí tuệ và ý thức của những người viễn Đông được khai hoá sẽ thoả lòng mong đợi của các vị truyền bá Tin Mừng đến từ phương Tây. Sẽ đến một thời mà các con thiêng liêng của họ sẵn sàng, không những tiếp tay với họ, mà còn lãnh lấy những trọng trách vì sự nghiệp chung.

IV

Thế Kỷ 20 (1904-1975)

Từ 1904 đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất

Trường **Taberd** là một cơ sở giáo dục tiên tiến. Vào những năm đầu tiên của thế kỷ 20, số học sinh nội trú, bán trú và ngoại trú là 400.

Về các môn học - bằng tiếng Pháp hay tiếng địa phương - trường Taberd rất nghiêm túc và luôn được đẩy mạnh theo những tiến triển của chương trình nhà nước. Năm 1900, trường dạy những môn để dọn thi bằng tiểu học (certificat d'études); về sau là những môn dọn thi bằng trung học (brevet) và chẳng bao lâu sau là các môn thi bằng tú tài (baccalauréat), cộng thêm ngành học thương mại và kỹ thuật.

Năm 1900, ở Gia Định, cách Saigon 2km, một trường La San dành cho các em câm điếc được xây dựng. Các em rất linh hoạt và thông minh, được chỉ dạy nghề mộc, đóng giày, đóng bàn ghế và điêu khắc trên gỗ. Các em lao động và sống vui vẻ. Tuy số ít là công giáo, nhưng mọi người được dạy đạo đức luân lý Ki-tô bằng hình ảnh. Không có việc gây áp lực buộc các em bên lương phải từ bỏ niềm tin riêng, nhưng các em rất cảm mến các thầy.

Không xa lắm về phía nam, tại thành phố **Mỹ Tho**, ngay sau khi Pháp đặt quyền cai trị, các SH đã mở một trường học mà cuộc bách hại năm 1880 buộc phải đóng cửa. Năm 1908, các SH trở lại “trường xưa” và được giới phụ huynh cả lương lẫn giáo mừng rỡ đón tiếp và giao phó con em, xin các SH chăm sóc dạy dỗ

Ngay tại miền châu thổ sông cửu Long, tại **Sóc Trăng**, trường **St Francois Xavier** thu nhận các học sinh của bốn tỉnh miền tây, phần lớn là người Phật giáo chịu ảnh hưởng của các sư sãi người Khmer. Trường phát triển nhanh chóng, đến năm 1930, số học sinh nội trú lên tới 220 em.

Thiết tưởng không thể quên bốn trường do tỉnh Dòng Saigon xây dựng tại các quốc gia lân cận

:

* **Campuchia :**

- Trường **Miche** ở Phnom-Penh;

* **Thái Lan :**

- Trường **Lasalle College** tại Bangkok

- Trường **Lasalle Mandapitak** tại Chantabury

- Trường **Chotiravi College** tại Paknampho.

Tại kinh đô xứ An-Nam, **Huế**, vào năm 1900, các kiều dân Pháp, với sự ủng hộ của chính phủ, đã mở một trường trung lập, nghĩa là không theo đạo Chúa. Để cân bằng lực lượng, vị đại diện tông toà, Đức cha Gaspar, muốn có một trường của La San tại Huế. Ngày 15/5/1904, trường **Pellerin** - tên của một vị giám mục thừa sai - được giáo quyền làm phép và khánh thành. Nhưng chưa đầy 3 tháng sau ngày khai trường, một cơn bão khủng khiếp đã tàn phá kinh đô, và trường Pellerin bị mất 400 cây cau đang sai trái, 200 cây mít, một số cây bưởi, cây vải và nhiều loại cây ăn trái khác; mái nhà bị sập và trần nhà bị phá hủy; giường chiếu và vật dụng trong nhà nguyện bị hư hỏng nặng.

Thật là “hoạ vô đơn chí” : trường Pellerin vừa được sửa chữa sau cơn bão lụt kể trên, thì một người giúp việc vụng về thế nào mà gây nên một cuộc hoả hoạn lớn, thiêu rụi cả mái nhà và sàn của nhà trường... Qua bao nhiêu tai ương, trường Pellerin vẫn thấy số học sinh ngày càng tăng. Trong số, có rất nhiều con cháu đích tôn của các vị anh hùng tử đạo đã được giáo hội tôn vinh. Tuy nhiên, đa số học sinh vẫn theo đạo Phật. Tinh thần của học sinh rất tốt, và sự yêu thích lao động học tập đáng được biểu dương. Kết quả trong các kỳ thi luôn luôn gây sự thán phục nơi mọi người. Những nhân vật quan trọng nhất đã muốn tận mắt đánh giá phương pháp sư phạm giáo dục của các SH. Những quan thượng thư và cả vua Thành Thái của xứ An-Nam cũng đã ký tên vào sổ vàng của trường.

Nhờ có sự thịnh vượng liên tục ấy, trường Pellerin đã được nới rộng gấp đôi và lên thêm một tầng lầu để đủ chứa 500 học sinh. Một môi trường thuận lợi như thế không thể không làm nẩy sinh những ơn gọi đặc biệt cho các dòng tu và cho hàng giáo sĩ. Ngay lúc ban đầu, một tập viện được đặt bên cạnh trường và các em tu sinh La San được huấn luyện qua giai đoạn thính sinh ngay giữa đám học sinh. Mặc dầu vào năm 1933, tập viện được dời về một cảnh trí tuyệt vời ở **Nhatrang : Đồi La San**, người ta đã ước tính vào thời đó, trong số 122 SH người bản xứ, thì đã có đến 98 SH được đào tạo dưới mái trường Pellerin.

Ở Trung Kỳ còn có trường **Gagelin**, lúc đầu tọa lạc ở **Bình Định**, về sau theo ý muốn của vị đại diện tông toà, Đức cha Tardieu, trường được dời về **Qui Nhơn** gần bờ biển. Trường không ngừng phát triển mặc dù đã hai lần bị một loạt bão tố tàn phá, làm tróc mái thủng sàn, sập luôn kèo cột... Chẳng bao lâu sau, sức sống vươn lên mãnh liệt hơn với 217 học sinh, số thi đậu, số lãnh nhận phép Rửa tội, và số ơn gọi gia tăng : có năm, 11 học sinh vào thính viện Nhatrang và 3 em vào tiểu chủng viện.

Ra ngoài Bắc Kỳ, trước hết là **Hà Nội**, trường **Puginier** đã từng chứng kiến sự nỗ lực thành công của các SH, năm 1894 : số trúng tuyển các kỳ thi do nhà nước tổ chức rất cao; hơn 400 học sinh trong đó 150 người Pháp và con lai; phần đông theo học tại trường ngoại trú miễn phí thuộc chi nhánh, còn gọi là **Collège de la Mission**. Nhưng các cuộc bắt bớ khắc nghiệt ở Pháp do luật 07/07/1904 nhằm dẹp bỏ các Dòng tu, cũng lan rộng qua tới Bắc Kỳ. Chính phủ thuộc địa ngưng trợ cấp số tiền 15,000 quan cho Ecole de la Mission và ngưng các học bổng dành cho con các công chức học ở trường

Puginier. Đã có áp lực buộc các công chức phải rút con họ ra khỏi trường La San, nhưng đó cũng là dịp để chứng kiến bao gương tốt của những người tín hữu đầy tình nghĩa bất khuất : gia đình họ sẵn sàng chịu thiếu thốn để tiếp tục cho con em họ được hưởng nền giáo dục Ki-tô, và cũng nhờ vậy mà việc làm hữu ích của các môn đệ thánh La San vẫn tiếp tục.

Hải Phòng, một thành phố lớn đông dân gần bờ biển Bắc Kỳ, cũng ao ước có sự hiện diện của các SH. Việc thành lập một trường tại đó cũng là ước nguyện của các Bề Trên vì vị trí và khí hậu ở đó rất thích hợp cho các SH bị suy yếu do lao lực và dạy học quá vất vả. Năm 1906, một nhà hưu dưỡng của tỉnh Dòng được xây cất; sau đó không lâu, ngôi trường **Saint Joseph** được khai giảng. Dù cho những tai ương như dịch tả, bão lụt thường xuyên hoành hành, số học trò đổ xô đến Saint Joseph ngày càng đông, có năm lên đến 350.

Năm 1924, trường **Saint Thomas D'Aquin** được khai mở tại **Nam Định**; trường có trang bị một phòng thí nghiệm và một phòng vật lý; điều này chứng tỏ trình độ giáo dục rất có hạng: mùa thi cử năm 1925, tất cả 61 thí sinh đều trúng tuyển kỳ thi Certificat d'Etudes Elémentaires Indigènes. Đây cũng là lò hun đúc nhiều ơn gọi tu sĩ và giáo sĩ.

Năm 1932, trường **Phát Diệm** được khai trương với sĩ số học sinh lên tới gần 500.

Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Năm 1934, SH phụ quyền Junien-Victor sang thăm tỉnh Dòng La San ở Đông dương. Chuyến đi đó đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử của miền Đông dương thật hấp dẫn này: Dòng La San chuẩn bị thâm nhập đất **Trung Hoa**, mở ra viễn tượng đầy an ủi cho dân tộc da vàng đã từng tiếp nhận sứ vụ của giáo hội Đức Ki-tô. Vị đại diện tông toà ở Thượng hải, Đức cha Haouisée thuộc Dòng Tên, mời gọi các SH đến Trung quốc. SH Junien-Victor vừa được bầu làm SH tổng quyền, ủy thác công việc cho SH phụ quyền Cosme-Dominique với sự hợp tác của SH Donatien-Jules, giám tỉnh Đông dương.

Thế chiến thứ hai đang gần kề: hạm đội Nhật đang đóng chốt ở cửa sông Hoàng hà và nả đạn vào vùng kế cận Thượng hải. Hai SH phải khố khản lắm mới đến được **Thượng hải** và gặp ngay vị đại diện tông toà. Kết quả : Dòng La San chấp nhận cộng tác với vị giám mục thừa sai để đào tạo một hội Dòng Trung Hoa gồm những thầy dạy học. Khi tình hình cho phép, 2 SH thuộc tỉnh Dòng London sẽ đến viễn Đông để học tiếng Trung quốc và làm quen với phong tục tập quán; đó là SH Thomas More, đến Saigon năm 1938, và ít lâu sau, SH Celsus Edwin.

Pháp vừa bị Đức đánh bại, lính Nhật chiếm đóng Đông dương kể từ 08/12/1941. Như nhiều cơ sở khác, các trường Taberd Saigon, Puginier Hà Nội, Saint Joseph Hải Phòng, đều bị trưng dụng làm trại lính. Các SH Pháp và Việt trong tình đoàn kết anh em, vẫn tiếp tục công việc tông đồ trong những ngôi nhà tạm bợ, hoặc trong những nhà mà toàn quyền đô đốc Decoux đã dựng lên ở đường Norodom và thu xếp làm lớp học. Học sinh nội trú của Taberd được cho tạm trú ở Chung viện: các chủng sinh đã di cư để nhường chỗ cho học sinh. Khi cuộc oanh kích diễn ra hằng ngày, chính phủ kêu gọi giới học sinh Saigon nên di tản về tỉnh. Thế là Taberd được chia ra thành 3 nhóm : các lớp đệ nhị cấp đi Mỹ Tho, các lớp đệ nhất cấp đi Sóc Trăng, các học sinh con lai cùng với các giáo viên đi Thủ Đức. Mặc dù thiếu phương tiện về mọi mặt, sĩ số học sinh trường Taberd tăng lên đến con số kỷ lục : 2000 học sinh !

Lính Nhật áp dụng một kỷ luật hà khắc, tuy nhiên họ ít gây phiền hà cho các SH, nhờ có SH Romuald Oscar người Nhật. Số là trong thời gian SH còn là tập sinh ở Đồi La San Nhatrang, SH bị động viên tại chỗ và làm sĩ quan thông dịch trong quân đội Nhật. Nhờ có sự can thiệp của SH mà nhà huấn luyện Đồi La San Nha Trang khỏi bị quân đội Nhật trưng dụng. Tuy nhiên, SH Thomas More người Anh đã bị quân đội Nhật hạ sát. Nguyên là 2 SH Thomas và Edwin được cử sang Trung quốc, và trong thời gian chờ đợi thủ tục hành chánh, 2 SH dạy ở Taberd. Khi nước Anh đoạn giao với chính quyền của đo đốc Decoux, 2 SH phải lên tàu rời Saigon, nhưng đã bị bắt lại và bị giam trong một trại tại Mỹ Tho. Trong đêm 09/03/1945, cùng với một số bạn, 2 SH vượt ngục. Bị nhóm tuần tiễu Nhật rượt bắt, 2 SH mất liên lạc nhau ngay trong đêm vượt ngục. SH Edwin bị bắt lại, đưa về trại giam, ở đó cho đến khi Nhật đầu hàng Hoa Kỳ, và được giải thoát. Số phận của SH Thomas More thì khác hẳn: thoát khỏi sự truy nã của lính Nhật, SH cùng các bạn tù khác lưu lạc trong rừng suốt 3,4 tháng, mong chờ đồng minh đến cứu thoát. Vì có tiếp xúc với người bản xứ để xin tiếp tế, và do sự phản bội của một số người bản xứ, nên đoàn người tẩu thoát đã bị lính Nhật mai phục và tiêu diệt hết, ngày 01 tháng 7 năm 1945.

Thế chiến kết thúc, Đông dương vẫn còn chìm trong khói lửa

Năm 1945, Hồ chí Minh lên nắm chính quyền, tuyên bố nước Việt nam Dân Chủ Cộng Hoà, lập mặt trận dân tộc lấy tên Việt Minh và bắt đầu cuộc chiến chống Pháp. Năm ấy, lính VM ở Nha Trang bắt 2 SH làm con tin, trong đó có 1 SH quá kinh hãi nên ngã bệnh. SH cựu giám tập, Vauthier-Joseph, tình nguyện đi theo để chăm sóc người bệnh, lính VM đồng ý bắt cả 3 và giam ở Buôn Mê Thuột. SH Vauthier đã gây được cảm tình của cai tù và xin được một y tá chữa trị cho SH bị bệnh. Cả 3 SH được thả tự do vào ngày lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm, 08/12/1945.

Trong tình trạng rối ren của năm 1945, bạo động gia tăng nhiều nơi, và vì sợ sự đột kích của VM, lính Nhật khuyên các SH nên rời khỏi Đồi La San Nha Trang; họ dùng xe tải chuyển cả nhà về một trại gần đó. Một số SH không mấy tin vào lời của lính Nhật, nên đã cố trở về Nha Trang; chẳng may gặp phải ổ phục kích của VM, bị bắt và giam giữ trong một ngôi trường đã biến thành nhà tù. Các SH Domicé, giám tỉnh, Divy-Joseph, cựu giám tỉnh, Urbain-Marie, giám tập và 2 SH khác, cùng với 4 linh mục Dòng Phanxicô, 1 linh mục thừa sai và 1 linh mục Dòng Phước Sơn đã bị giam giữ tại đó 12 ngày. Cuối cùng người Nhật đã buộc VM phải phóng thích họ.

Cuối năm 1945, quân Nhật rút khỏi Đông dương. Cuộc chiến giữa Pháp và VM vẫn tiếp diễn gay gắt khốc liệt, nhưng không ngăn chặn nổi đà phát triển của các công trình La San: các cộng đoàn trước đây gồm đa số SH Pháp, bây giờ càng ngày càng thêm đông SH Việt, chiếm tỉ lệ 5/6 tổng số các SH. Hơn nữa, kể từ năm 1949, một SH người Việt, SH Cyprien Gắm, được cử làm giám tỉnh tỉnh Dòng Saigon. Nhờ biết tiếng bản xứ và kết hợp kiến thức Tây phương với tư tưởng Đông phương, các SH Việt đã gây được ảnh hưởng mà hàng giáo phẩm cũng như các viên chức dân sự và quân sự đều thừa nhận và đánh giá cao. Số học sinh đổ xô đến học các trường La San là một bảo chứng vững vàng nhất cho phẩm chất và ảnh hưởng đó.

Các trường ở Hà Nội và Hải Phòng, sau cơn lốc và bị tạm ngưng nhiều tháng, đã phát triển tốt đẹp với số học sinh ở cả 2 nơi lên đến 2500 em. Trong dịp kỷ niệm 300 năm ngày sinh của thánh tổ phụ Gioan La San (Gioan La San sinh tại thành phố Reims - Pháp, ngày 30/04/1651), trường Saint Joseph đã tổ chức trọng thể rước kiệu tượng thánh lập dòng trên đoạn đường dài 2km đi qua thành phố; ở Hà Nội, buổi lễ được kết thúc bằng một cuộc biểu diễn lộng lẫy ở sân vận động của thành phố.

Nhưng VM đã giành được chiến thắng; hiệp định Genève 20/07/1954 tuyên bố nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà gồm Bắc Kỳ và miền bắc Trung Kỳ xuống tới vĩ tuyến 17. Những công trình của các SH ở miền Bắc bị giải thể. SH giám tỉnh báo cáo về trung ương Dòng ở Rô-ma :

“Các trường ở phía Bắc phải ngưng hoạt động vì sợ rắc rối về chính trị. Trường Puginier Hà Nội với 1425 học sinh và trường Saint Joseph Hải Phòng với 1097 học sinh đã phải đóng cửa ngày 15/09/1954. Há chẳng phải là một cái chết huy hoàng ư ? Nhưng cũng là một thương tích đau đớn trên thân thể của tỉnh Dòng Việt nam !”

Cuộc di cư của vô số người công giáo miền Bắc chạy trốn cộng sản để giữ trọn đức tin là dịp để các trường Ki-tô bày tỏ sự liên đới thân tình trong Đức Ki-tô. Ở Huế và nhất là ở miền Nam, đã mọc lên nhiều trung tâm tiếp cư. Tất cả những người di cư đều công nhận rằng trung tâm tiếp cư tại trường Pellerin Huế có tổ chức tốt nhất. Trường Mossard Thủ Đức cũng mở rộng cửa tiếp đón những người di cư đầu tiên từ miền Bắc : các chủng sinh của địa phận Phát Diệm, và các đệ tử ở Hải Phòng. Vùng Saigon - Chợ lớn tiếp đón trên 5000 người di cư.

Năm 1958, lễ thánh Gioan La San được tổ chức tại sân vận động Saigon : 15,000 học sinh nam nữ khắp thủ đô Saigon đã tham dự thánh lễ do Đức giám mục Saigon chủ tế. Năm 1960, một khoá sư phạm được tổ chức tại trường Mossard Thủ Đức cho các giáo viên công giáo, tuổi từ 18 đến 62, thuộc các miền nước Việt Nam Cộng Hoà, từ vĩ tuyến 17 đến mũi Cà Mau. Trường Mossard Thủ Đức với hồ bơi và khuôn viên rộng rãi, mát mẻ, là nơi lý tưởng cho những khoá học tập thảo luận này.

Trích vài số thống kê

* *Tại Nam Kỳ và Bắc Kỳ, năm 1904*

Trường học : 7
Sư Huynh : 72
Học sinh : 1,147

* *Tỉnh Dòng Saigon, đến ngày 01/01/1966*

	Trường học	Sư Huynh	Học sinh
Việt Nam	21	255	18,365
Campuchia	1	14	2,000
Thái Lan	3	16	3,000
Tổng cộng	23	285	23,365

Dòng Nữ Tu La San - Việt Nam

Thành lập và Tôn chỉ

Dòng Nữ Tu La San được thành lập trong thập niên 60 tại Việt Nam, nhằm mục đích cộng tác với các Sư Huynh trong việc giáo dục trẻ em vườn trẻ và tiểu học.

Nhà Mẹ của Dòng toạ lạc trong khuôn viên Mai Thôn, quy tụ hơn 20 thanh thiếu nữ nhiệt thành - Việt và Thái, lấy toàn bộ luật Dòng của các Sư Huynh làm kim chỉ nam cho đời tận hiến dẫn thân phục vụ trẻ em nghèo. Dòng có một trường tiểu học bên cạnh Mai Thôn, quy tụ hơn 450 học sinh tiểu học.

Sau biến cố 1975

Cùng chia sẻ nỗi khổ đau của dân tộc, Dòng non trẻ chịu cảnh phân tán lưu lạc, nhưng vẫn bền tâm theo ánh sáng Đức Tin và lòng Nhiệt Thành - tinh thần của Dòng La San. Cho đến nay, Dòng đang củng cố và lớn mạnh tại 3 quốc gia : Việt Nam - Thái Lan - Hoa Kỳ.

1. Việt Nam :

Trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước, các Chị La San tiếp tục sống tinh thần Đức Tin và lòng Nhiệt Thành qua các việc tông đồ như dạy giáo lý, thăm viếng và nâng đỡ trẻ em nghèo khổ, khuyến khích và giúp phương tiện cho các em đi học và nhất là mở Vườn Trẻ ngay tại Mai Thôn để chăm sóc, dạy dỗ các em bé trong tinh thần “**dạy con từ thuở lên ba**”. Hơn 150 em bé đang được hưởng sự chăm sóc dạy dỗ tận tâm và đạo đức của các Chị La San.

2. Thái Lan :

Sau hơn 2 năm mất liên lạc với Nhà Mẹ, các Chị La San người Thái vẫn duy trì và phát triển tinh thần của Dòng.

Từ 1977, vài Chị đã bất chấp mọi trở ngại, tìm về thăm Nhà Mẹ và chia sẻ mối lo âu đau khổ cùng các Chị Em tại Việt Nam. Hiện nay, các Chị có 2 cơ sở hoạt động tông đồ tại Bangkok. Đầu năm 1995, hội đồng Dòng đã đề cử Chị Mary Chindahandamrong làm Tổng Quyền.

3. Hoa Kỳ :

Vài ngày trước 30-04-75, một số Chị Em La San tìm đường vượt biển và được định cư tại Hoa Kỳ. Sau một khoảng thời gian bấp bênh, còn lại 4 Chị đã vượt qua thử thách gian truân, quyết tâm trung thành với lý tưởng ban đầu. Hiện nay, ngoài việc dạy giáo lý và các sinh hoạt tông đồ xã hội khác, các Chị có một trung tâm giáo dục, **Nguyễn Đường La San - San Jose**, mở lớp Việt ngữ, dạy kèm trẻ sau giờ học ở trường, và trong tương lai gần, mở lớp “**Dạy Con Từ Thuở Lên Ba**” để duy trì và phát huy tôn chỉ của Dòng : dẫn thân phục vụ giáo dục trẻ em theo tinh thần Ki-